

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2018

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Ông Kim Na Rinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là thư ký Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh** tham gia phiên tòa: Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sơn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Kim Si H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: : Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên phiên Tòa nguyên đơn chị Sơn Thị T trình bày :

Vào năm 2006 chị và anh Si H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào năm 2006. Khi tiến đến hôn nhân có quen nhau trước và đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về mặt ứng xử giao tiếp dẫn đến vợ chồng cãi vã, gây gổ nhiều lần cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến 6/2017 chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân đến nay. Khi sự việc xảy ra chính

quyền địa phương có hòa giải nhưng không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Kim Si H. Về nuôi con chung: Cháu Kim Thị Bích T, sinh ngày 21/01/2005, Kim Thị Bích T, sinh ngày 01/11/2007 hiện đang sống với chị và chị xin được nuôi con sau khi ly hôn, 02 cháu Kim Thị Bích K, sinh ngày 02/10/2009, cháu Kim Mô N sinh ngày 08/5/2014 hiện đang sống với anh Si H đồng ý để anh Si H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Về tài sản chung vợ chồng: chị T không khởi kiện. Về số nợ phải thu, phải trả: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Kim Si H vắng mặt, anh có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Giao con chung tên Cháu Kim Thị Bích T, sinh ngày 21/01/2005, Kim Thị Bích T, sinh ngày 01/11/2007 cho chị T nuôi dưỡng, cháu Kim Thị Bích K, sinh ngày 02/10/2009, cháu Kim Mô N sinh ngày 08/5/2014 giao anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, số nợ phải thu phải trả không ai tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Miễn án phí án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Sơn Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con với anh Kim Si H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ anh Kim Si H lần thứ nhất nhưng anh H vắng mặt và có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Kim Si H.

[3] Về quan hệ hôn nhân : xét thấy chị T và anh Si H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và chị Them đã giao nộp chứng cứ là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị và anh Kim Si H nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống có nhiều bất

đồng về quan điểm sống và cách ứng xử trong đời sống hôn nhân, quan hệ với mẹ chồng nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị T xác định tình cảm không còn với anh Si H do bất đồng quan điểm sống nên xin ly hôn anh H và vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Tòa án mở hai phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng của chị T và anh Si H là không kết quả.

Mặt khác, tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh Si H là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: anh Si H và chị T có 04 người con chung tên là: tên Cháu Kim Thị Bích T, sinh ngày 21/01/2005, Kim Thị Bích T, sinh ngày 01/11/2007 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kim Thị Bích K, sinh ngày 02/10/2009, cháu Kim Mô N sinh ngày 08/5/2014 anh Si H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nhằm đảm bảo về sự phát triển toàn diện và ổn định tâm lý cho các cháu Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T tiếp tục nuôi hai cháu T và T, anh Si H tiếp tục nuôi hai cháu K và Mô N. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T, anh Ha không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung : Chị T và anh H không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do chị Sơn Thị T là người dân tộc thiểu số sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có làm đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sơn Thị T được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, các Điều 228, 235, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sơn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sơn Thị T được ly hôn với anh Kim Si H.

Về con chung: Giao con chung tên Cháu Kim Thị Bích T, sinh ngày 21/01/2005, Kim Thị Bích T, sinh ngày 01/11/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kim Thị Bích K, sinh ngày 02/10/2009, cháu Kim Mô N sinh ngày 08/5/2014 giao anh Si H nuôi dưỡng. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T, anh Si H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung : Chị T và anh Si H không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Miễn án phí cho chị T

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKS huyện C ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Bùi Bá Thi